TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 125/2021/DS-PT Ngày: 22 – 10 - 2021 *V/v* "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ (hụi) và vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn và ông Trần Bá Kha.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Vũ Tường Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ (hụi) và vay tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà T1, sinh năm 1975; Có mặt.

Địa chỉ: Xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Vợ chồng bà C, sinh năm 1956; Có mặt.

Ông H1, sinh năm 1956; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H1 ủy quyền cho bà C tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 27/10/2020).

3. Người làm chứng:

3.1. Bà N, sinh năm 1963; Vắng mặt.

3.2. Ông T2, sinh năm 1947; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3.3. Bà Q1, sinh năm 1951; Vắng mặt.

Địa chỉ: xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3.4. Ông Q2, sinh năm 1959; Vắng mặt.

3.5. Bà D, sinh năm 1976; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà T1 trình bày:***

Vào ngày 16/10/2015 âm lịch, bà có cho vợ chồng bà C và ông H1 vay số tiền là 20.000.000đ để về mua lá dừa nước bán lại, lãi suất là 1.000.000đ/tháng, thời gian trả nợ gốc đến vụ lúa cuối năm 2015. Nhưng từ đó cho đến nay bà C, ông H1 không đóng lãi và trả tiền gốc cho bà.

Ngoài ra bà còn tổ chức, làm chủ hụi thì vợ chồng bà C và ông H1 có tham gia chơi hụi cụ thể như sau :

Ngày 16/9/2014 âm lịch, bà tổ chức dây hụi 01 tháng xổ lần, số tiền là 1.000.000đ, có 37 người tham gia, trong đó vợ chồng ông H1 và bà C tham gia 02 chân hụi.

Chân hụi thứ nhất : Ông H1 và bà C đóng hụi được 06 lần thì ông H1, bà C hốt hụi và đóng hụi chết được 14 lần, còn lại 17 lần hụi chết số tiền là 17.000.000đ đến nay chưa trả.

Chân hụi thứ hai: Ông H1 và bà C đóng hụi được 09 lần thì ông H1, bà C hốt hụi và đóng hụi chết được 11 lần, còn lại 17 lần hụi chết số tiền là 17.000.000đ đến nay chưa trả.

Ngày 25/01/2015 âm lịch, bà tổ chức dây hụi 01 tháng xổ lần, với số tiền là 1.000.000đ, có 31 người tham gia. Trong đó vợ chồng ông H1 và bà C tham gia 03 chân.

Chân thứ nhất: Ông H1 và bà C đóng hụi được 04 lần thì ông H1, bà C hốt hụi và đóng hụi chết được 10 lần, còn lại 17 lần hụi chết số tiền là 17.000.000đ đến nay chưa trả.

Chân hụi thứ hai: Ông H1 và bà C đóng hụi được 08 lần thì ông H1, bà C hốt hụi và đóng hụi chết được 06 lần, còn lại 17 lần hụi chết số tiền là 17.000.000đ đến nay chưa trả.

Chân hụi thứ ba: Ông H1 và bà C đóng hụi được 11 lần thì ông H1, bà C hốt hụi và đóng hụi chết được 03 lần, còn lại 17 lần hụi chết số tiền là 17.000.000đ đến nay chưa trả.

Ngày 26/01/2025 âm lịch, bà tổ chức dây hụi tháng xổ lần, với số tiền là 1.000.000đ, có 32 người tham gia. Trong đó, vợ chồng ông H1 và bà C tham gia 02

chân hụi.

Chân thứ nhất: Ông H1 và bà C đóng hụi được 04 lần thì ông H1, bà C hốt hụi và đóng hụi chết được 10 lần, còn lại 18 lần hụi chết số tiền là 18.000.000đ đến nay chưa trả.

Chân thứ hai: Ông H1 và bà C đóng hụi được 05 lần thì ông H1, bà C hốt hụi và đóng hụi tiếp được 09 lần, còn lại 18 lần hụi chết số tiền là 18.000.000đ đến nay chưa trả.

Như vậy, sau khi các dây hụi mãn thì đến ngày 25/8/2017 hai bên đã chốt nợ lại là bà C, ông H1 còn nợ bà T1 tổng cộng tiền hụi là 121.000.000đ, sau đó ông H1 và bà C trả được số tiền là 24.620.000đ, số tiền còn lại là 96.880.000đ.

Việc vay tiền và tổ chức chơi hụi nêu trên hai bên không có làm giấy tờ gì và khi hốt hụi và đóng hụi lại cũng không có ký giao nhận với nhau mà tự bà ghi vào sổ để theo dõi.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà C và ông H1 trả cho bà số tiền vay nợ gốc là 20.000.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 16/10/2015 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án và trả tiền hụi là 96.880.000đ là dứt điểm.

**** Bị đơn do bà C đại diện trình bày***:

Về khoản nợ vay: Bà C thừa nhận vợ chồng bà có hỏi vay của bà T1 số tiền 20.000.000đ, thời gian 01 tháng trả gốc và lãi cho bà T1, việc vay nợ hai bên không có làm giấy tờ gì. Sau khi vợ chồng bà không có tiền trả cho bà T1, thì lúc đó hai bên thỏa thuận tham gia chơi dây hụi áp ngày 16/9/2014 âm lịch, sau đó vợ chồng bà C đã hốt hụi và cấn trừ qua số tiền vay đã xong, nhưng hai bên cũng không có làm giấy tờ gì và cũng không ai biết.

Về khoản tiền hụi: Bà C cũng thừa nhận vợ chồng bà có tham gia chơi các chân hụi do bà T1 làm chủ và hốt hụi về thời gian, số tiền và hốt hụi đúng như bà T1 trình bày. Còn việc đóng hụi chết lại cho bà T1 thì bà C đã đóng đầy đủ các chân hụi cho bà T1 cho đến khi mãn hụi. Tuy nhiên, dây hụi cuối thì bà còn nợ lại bà T1 8.000.000đ, lúc đó bà T1 đến nhà bà lấy 01 bao lúa (nhưng bà không tính cấn trừ tiền hụi), việc chơi hụi hai bên không có làm giấy tờ gì.

Vì vậy, nay bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T1 mà vợ chồng bà đồng ý trả cho bà T1 số tiền hụi là 8.000.000đ là dứt điểm.

**** Những người làm chứng bà N, bà Q1, ông Q2 và ông T2 và bà D trình bày*:**

Việc tổ chức chơi hụi thì bà T1 có lập sổ ghi chép theo dõi, nhưng không có ký tên. Vợ chồng bà C có tham gia chơi hụi của bà T1, còn việc bà C hốt hụi và đóng hụi chết và vay tiền như thế nào thì tất cả đều không biết.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang quyết định:***

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà C và ông H1.

Buộc bà C và ông H1 có trách nhiệm trả cho bà T1 tổng cộng số tiền vay gốc và lãi là 35.454.000 đồng. Trong đó, tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 15.454.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà T1 về việc tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi) đối với bà C và ông H1.

Bà C và ông H1 có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền hụi là 8.000.000 đồng.

Tổng cộng bà C và ông H1 trả cho bà T1 số tiền nợ vay và tiền hụi là 43.454.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định.

**** Ngày 26/5/2021, nguyên đơn bà T1 kháng cáo với nội dung***: Yêu cầu xác minh những người làm chứng chơi cùng dây hụi và buộc vợ chồng ông H1, bà C trả cho bà T1 tiền hụi là 96.880.000 đồng.

* ***Tại phiên tòa phúc thẩm***:

- Nguyên đơn bà T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông H1 và bà C trả cho bà T1 số tiền nợ hụi là 96.880.000 đồng.

- Bị đơn bà C yêu cầu không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà T1.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà T1, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự và phát biểu của vị đại viện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà T1 yêu vợ chồng ông H1 và bà C trả cho bà T1 tiền nợ hụi là 96.880.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Về hợp đồng vay tài sản, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1, buộc bị đơn bà C và ông H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà T1 số tiền nợ vay vốn gốc 20.000.000 đồng và lãi suất 15.453.750 đồng, tổng cộng là 35.453.750 đồng, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hợp đồng góp họ (hụi), cấp sơ thẩm nhận định, bà T1 và bà C thống nhất thừa nhận là vợ chồng bà C có tham gia chơi các chân hụi như nêu trên là đúng. Bà T1 khởi kiện cho rằng bà C không thực hiện đóng hụi chết đầy đủ cho bà và đến ngày 25/8/2017, hai bên chốt nợ thì bà C và ông H1 còn nợ bà T1 121.000.000 đồng. Sau đó bà C trả được số tiền là 24.620.000 đồng, số tiền còn lại là 96.880.000 đồng, nhưng bà T1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bà T1 và việc này cũng không được bà C và ông H1 thừa nhận. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà C thừa nhận còn nợ lại bà T1 số tiền nợ hụi là 8.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1, buộc bị đơn bà C và ông H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà T1 số tiền hụi 8.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm các nội dung sau:

Về nội dung giải quyết: Tại phần quyết định của bản án, cấp sơ thẩm không tuyên phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1 là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Về án phí: Cấp sơ thẩm còn sai sót trong áp dụng về án phí, trong vụ án này bà C và ông H1 là người cao tuổi, nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí, nhưng cấp sơ thẩm không giải thích để các đương sự đủ điều kiện miễn giảm án phí theo quy định là lỗi của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.444.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.922.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006905 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, nên bà T1 còn phải nộp số tiền là 1.522.000 đồng.

Bị đơn bà C và ông H1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.172.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn bà T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007333 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ các Điều 471, Điều 474, Điều 476 và Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của chính phủ về họ, hụi, biêu phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" đối với bị đơn bà C và ông H1.

Buộc bị đơn bà C và ông H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà T1 số tiền vay vốn gốc 20.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 15.454.000 đồng, tổng cộng là 35.454.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ (hụi)" đối với bị đơn bà C và ông H1.

2.1. Buộc bị đơn bà bà C và ông H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà T1 số tiền hụi là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1 yêu cầu bà C và ông H1 trả số tiền nợ hụi 88.880.000 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.444.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.922.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006905 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, nên bà T1 còn phải nộp số tiền là 1.522.000 đồng.

Bị đơn bà C và ông H1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.172.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn bà T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai thu tiền số 0007333 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Đảo